

Thời gian : 17h45 - 25/06/2025 - Phòng : 128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|----------------------|------------|------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                      |            |            |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28216546285 | Nguyễn Văn Tú Anh    | 09/09/2004 | Nghệ An    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28206505490 | Phạm Thị Kỳ Diệu     | 07/05/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28205203242 | Phạm Thị Hương Giang | 19/10/2004 | Quảng Bình | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28204647820 | Võ Thị Thu Hà        | 08/08/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28205153577 | Nguyễn Thị Diệu Linh | 01/03/2004 | Gia Lai    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28209350805 | Nguyễn Ngọc Mai      | 23/06/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 27207144305 | Đinh Hà Ngân         | 22/01/2003 | Nghệ An    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28204321663 | Huỳnh Hồng Ngọc      | 29/02/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204301009 | Huỳnh Thị Ngọc Nhị   | 04/07/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28206903291 | Lê Thị Như Quỳnh     | 07/01/2004 | Bình Định  | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28209505177 | Lê Thị Sương         | 26/11/2004 | Quảng Trị  | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28214604744 | Nguyễn Bảo Thân      | 08/10/2004 | Phú Yên    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204151607 | Trần Anh Thư         | 31/03/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28204353176 | Đặng Thị Kim Thư     | 21/07/2004 | Quảng Ngãi | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28204652990 | Lê Thị Hoài Thương   | 27/10/2004 | Quảng Trị  | 31SSC2  |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 26217123321 | Ngô Ngọc Tài         | 22/07/2002 | Đà Nẵng    | 29TSC1  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 17 | 27203350261 | Lê Thị Uyên          | 13/10/2003 | Quảng Trị  | 30THT15 |       |        |        |      |     | Lần 1    |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 17h45 - 25/06/2025 - Phòng : 129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                       |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28209338225 | Nguyễn Thị Bích Tuyền | 26/01/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204601493 | Nguyễn Thảo Uyên      | 11/12/2004 | Quảng Nam  | 31SSC2 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28204651959 | Nguyễn Thúy Vi        | 21/10/2004 | Khánh Hòa  | 31SSC2 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28212301766 | Nguyễn Như Vũ Bằng    | 11/09/2003 | Quảng Trị  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28204948095 | Nguyễn Thị Ngọc Bích  | 28/12/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28204342289 | Võ Thị Diệu           | 11/12/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28211150479 | Phạm Minh Hải         | 09/11/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28208139308 | Nguyễn Thị Hậu        | 12/07/2004 | Quảng Nam  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28206202713 | Võ Thị Thanh Hồng     | 03/10/2004 | Quảng Ngãi | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 27211529745 | Lê Quốc Huy           | 03/04/2003 | Quảng Ngãi | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 27205351706 | Lê Hương Minh Huyền   | 26/10/2003 | Đắk Lắk    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 27212243488 | Bùi Duy Khánh         | 05/04/2003 | Quảng Trị  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 27215302470 | Nguyễn Đình Anh Khoa  | 15/05/2003 | Quảng Nam  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 27211343564 | Trần Lê Ngọc Lâm      | 20/11/2003 | Phú Yên    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 27215351940 | Dương Thanh Long      | 07/02/2003 | Đắk Lắk    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28205200475 | Phùng Thị Thanh Ngân  | 19/04/2004 | Phú Yên    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28212106302 | Lê Ngọc Tường Nguyên  | 27/01/2004 | Quảng Nam  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28204327474 | Nguyễn Thị Yến Nhi    | 24/10/2004 | Quảng Nam  | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28208244972 | Ngô Hoàng Yến Nhi     | 09/10/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |       |        |        |      |     |         |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN  
TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 06/2025  
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO  
MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 17h45 - 25/06/2025 - Phòng : 207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                  |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28216545465 | Nguyễn Lan       | Nhi       | 25/03/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 2  | 27205352221 | Võ Ngọc Quỳnh    | Như       | 01/10/2003 | Phú Yên    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 3  | 28206524929 | Huỳnh Thị Ngọc   | Nữ        | 27/03/2004 | Bình Định  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 4  | 27211135646 | Nguyễn Văn       | Phát      | 22/12/2003 | Quảng Nam  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28212302091 | Đỗ Xuân          | Quân      | 11/04/2004 | Phú Yên    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 6  | 27211341624 | Mai Văn          | Tâm       | 01/04/2003 | Phú Yên    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 7  | 28207102772 | Võ Bích          | Thảo      | 16/09/2004 | Quảng Ngãi | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 8  | 27205352587 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy      | 07/07/2003 | Đắk Lắk    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 9  | 27215352591 | Trần Trọng       | Toàn      | 22/03/2003 | Bình Định  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 10 | 28205151971 | Trần Thị Thùy    | Trâm      | 12/12/2004 | Quảng Nam  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28204648304 | Nguyễn Thị Thùy  | Trang     | 12/10/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28204601983 | Dương Thị Nhật   | Truyền    | 01/04/2004 | Quảng Nam  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 13 | 28212347327 | Phan Văn Nhật    | Tú        | 01/05/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 14 | 27205302009 | Lê Hoàng Thục    | Uyên      | 01/07/2003 | Quảng Nam  | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 15 | 27205352620 | Huỳnh Thị Ngọc   | Vân       | 28/11/2003 | Quảng Ngãi | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 16 | 28212334948 | Nguyễn Văn       | Vĩ        | 24/03/2004 | Đắk Nông   | 31THT5 |        |        |      |     |         |
| 17 | 29206642645 | Bùi Hoàng        | Vy        | 12/11/2005 | Quảng Nam  | 31THT5 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**